TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ LM
TỈNH HẬU GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29/4/2022
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LM
TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Thanh Quyền
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Giang
2. Bà Trần Thị Bé Ba

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ngà – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã LM, tỉnh Hậu Giang.

- Đ diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã LM *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Mỹ Diện – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã LM, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 109/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2021 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Ngọc D, sinh năm 1985 (có mặt)
Địa chỉ: khu vực BH, phường VT, thị xã LM, tỉnh Hậu Giang.
2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1986 (vắng mặt)
Địa chỉ: khu vực TH, phường BT, thị xã LM, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Bùi Thị Ngọc D trình bày:

Chị D và anh Q sống chung khoảng năm 2010 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LB, huyện LM (cũ), tỉnh Hậu Giang vào ngày 26/9/2011. Sống hạnh phúc đến khoảng năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Do không hợp nhau, dẫn đến thường xuyên bất đồng quan điểm, làm ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng. Chị D và anh Q đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị D yêu cầu được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Chị D và anh Q có 01 con chung tên Nguyễn Q Đ, giới tính nam, sinh ngày 04/5/2011, từ khi ly thân đến nay, con sống chung với chị D. Do đó, sau khi ly hôn, chị D yêu cầu tiếp tục được nuôi dưỡng, chưa yêu cầu anh Q cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Văn Q mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Đ diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã LM, tỉnh Hậu Giang phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh Q được ly hôn; Về con chung: Chị Bùi Thị Ngọc D được tiếp tục nuôi dưỡng Nguyễn Q Đ, giới tính nam, sinh ngày 04/5/2011. Anh Nguyễn Văn Q chưa phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự khai không có nên không đề cập giải quyết; Án phí hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ đã thể hiện trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại tòa án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về trình tự, thủ tục.

[1.1] Đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn", bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn thị xã LM nên Tòa án nhân dân thị xã LM, tỉnh Hậu Giang giải quyết là đúng thẩm quyền theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn anh Nguyễn Văn Q đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn khai chị D và anh Q sống chung và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LB vào ngày 26/9/2011, anh Q không có ý kiến phản đối. Lời trình bày của chị D phù hợp với trích lục kết hôn số 20 TLKH-BS ngày 23/6/2021 của Ủy ban nhân dân xã LB nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Đến khoảng năm 2020, thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, làm ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng và đã ly thân từ đó cho đến nay. Tại phiên tòa, chị D vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Như vậy, việc sống chung của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu ly hôn của chị D là có căn cứ theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Chị D yêu cầu nuôi con chung, anh Q không có ý kiến phản đối, đồng thời căn cứ vào bản tự khai của Nguyễn Q Đ có nguyện vọng sau khi cha mẹ ly hôn Q Đ muốn tiếp tục sống chung với mẹ. Do đó, yêu cầu tiếp tục nuôi con chung của chị D là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận. Chị D chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét trong vụ án này.

[2.4] Xét quan điểm của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 56; Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bùi Thị Ngọc D.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Ngọc D và anh Nguyễn Văn Q được ly hôn.

3. Về con chung: Chị Bùi Thị Ngọc D được tiếp tục nuôi dưỡng Nguyễn Q Đ, giới tính nam, sinh ngày 04/5/2011. Anh Nguyễn Văn Q chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Nguyễn Văn Q có quyền, nghĩa vụ thăm non con mà không ai được cản trở.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự khai không có nên không đề cập giải quyết trong vụ án này.

5. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chị Bùi Thị Ngọc D phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004024 ngày 10 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã LM, tỉnh Hậu Giang thành án phí. Chị D đã nộp xong án phí.

6. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND thị xã LM;
- Chi cục THADS TX LM;
- UBND xã LB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

Châu Thanh Quyền